**Tiếng Việt**

**Đọc: THẰN LẰN XANH VÀ TẮC KÈ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài *Thằn lằn xanh và tắc k*è, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài.

- Nhận biết được bối cảnh, diễn biến các sự việc qua lời kể của tác giả câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài đọc: Mỗi loài vật đều có những đặc tính riêng với một môi trường sống phù hợp với những đặc tính đó. Cần trân trọng những đặc điểm của mình và biết lựa chọn hoàn cảnh sống phù hợp với những đặc điểm đó.

- Biết nhận diện và phân loại một số nhóm danh từ theo đặc điểm về nghĩa.

-Biết chỉnh sửa bài viết đoạn văn nêu ý kiến dựa trên các nhận xét của thầy cô.

- Biết tôn trọng sự khác biệt của mỗi người, biết trân trọng môi trường sống; biết chia sẻ để hiểu hơn về bản thân mình và những người xung quanh.

***2. Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

***3. Phẩm chất***

*- Phẩm chất yêu nước:* Yêu gia đình và bạn bè,Bồi dưỡng tình yêu với cái hay, cái đẹp trong cuộc sống.

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. Trân trọng vẻ đẹp riêng của những người xung quanh.

*- Phẩm chất chăm chỉ:* Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm:* Giữ trật tự, biết lắng nghe, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

- Phẩm chất trung thực : Tự lực hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV : SGK, bài giảng Powerpoint tranh minh hoạ bài dạy.

- HS : SGK, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 5’** | |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Đố bạn ” với các câu hỏi trong bài Công chúa và người dẫn chuyện ( Lớp trưởng dẫn ):   * **+** Nêu nhận xét về nhân vật Giét – xi trong câu chuyện.   + Nêu nội dung của bài.   * - GV nhận xét.   - GV trình chiếu tranh tranh về các loài động vật và tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi nói về môi trường sống điển hình của chúng.  - GV có thể đặt câu hỏi để kết nối với bài đọc: *Chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng ta đổi môi trường sống của lạc đà và chim cánh cụt cho nhau?*  - GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi trước lớp.  - GV nhận xét, biểu dương HS có ý thức xây dựng bài và tổng kết đáp án: *Chim cánh cụt không chịu được cái nóng của sa mạc và không thể sống được nếu thiếu nước; lạc đà không chịu được cái lạnh của vùng Nam Cực và không thể sống ở vùng toàn nước, băng tuyết,...*  - GV mời đại diện 1 – 2 HS nêu nội dung tranh minh họa.  - GV chốt đáp án: *Tranh vẽ một chú thằn lằn đang đứng trên cây và một chú tắc kè đang bò trên tường. Hai chú có vẻ như đang nói chuyện với nhau.*   * - GV dẫn dắt, giới thiệu bài đọc: *Hôm nay các em sẽ luyện đọc câu chuyện Thằn lằn xanh và tắc kè: Hôm nay các em sẽ luyện đọc bài Thằn lằn xanh và tắc kè. Các em sẽ tìm hiểu hai người bạn thằn lằn xanh và tắc kẻ tò mò như thế nào về cuộc sống của nhau và các bạn đã làm gì để thoả mãn sự tò mò đó.* * - GV ghi tựa bài:*Thằn lằn xanh và tắc kè* | - HS thực hiện trò chơi  - HS lắng nghe  - HS tiến hành thảo luận  - HS trả lời  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS theo dõi  - HS ghi bài vào vở |
| **2.****Khám phá: 22’** | |
| *a. Luyện đọc (12’)*  - GV đọc mẫu toàn bài.  - Hướng dẫn HS đọc: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng các từ ngữ gợi tả, gợi cảm, ngắt nghỉ đúng dấu câu.  - GV hỏi: Bài chia làm mấy đoạn?  - GV nhận xét, chốt cách chia đoạn  - GV yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(buổi tối, thằn lằn, thầm nghĩ, bụi cỏ, làm sao, đối lại, trở lại, vui vẻ..)*  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.  - Hướng dẫn HS đọc các câu dài:  + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD *Mình không thể bò trên tường/ giống như tắc kè,/ cũng không thể kiếm ăn/ theo cách của tắc kè. Thằn lằn xanh/ trở về với cái cây của mình/ và thích thú đi kiếm ăn/ vào ban ngày.*  - GV mời 2 – 3 HS đọc lại câu dài  - Cho HS luyện đọc theo nhóm 4  - HS nhận xét bạn đọc trong nhóm.  - GV nhận xét.  - Mời 1 HS đọc toàn bài trước lớp, cả lớp đọc nhẩm theo.  - GV nhận xét, khen gợi  *b. Tìm hiểu bài: (10’)*  \* GV yêu cầu HS đọc thầm các đoạn và trả lời câu hỏi:  *Câu 1 Thằn lằn xanh và tắc kè đã tự giới thiệu những gì trong lần đầu gặp gỡ?*  *-* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp  - GV nhận xét, chốt đáp án  *Câu 2 Vì sao hai bạn muốn đổi cuộc cho nhau?*  - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn 2 và tìm chi tiết trả lời cho câu hỏi.  - GV nhận xét chốt đáp án  *Câu 3. Hai bạn đã nhận ra điều gì khi thay đổi môi trường sống của mình?*  - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, rồi trao đổi nhóm đôi  -GV khích lệ HS trình bày ý kiến, suy nghĩ riêng.  - GV mời đại diện 1 -2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến  - GV nhận xét, bổ sung  - GV đưa đáp án tham khảo:  *+ Về sự phù hợp của đặc điểm cơ thể với môi trường sống: Tay và chân thằn lằn xanh không bám dính như tắc kè nên không thể bò lên tường như tắc kè. Da tắc kè không chịu được nắng nóng ban ngày như thằn lằn xanh.*  *+ Về hậu quả của việc thay đổi môi trường sống: Các bạn không thể kiếm được thức ăn nên rất đói*  *+Thằn lằn xanh trở về với cái cây của mình và thích thú đi kiếm ăn vào ban ngày. Tắc kè quay trở lại bức tường thân yêu và vui vẻ đi tìm thức ăn vào buổi tối. Cả hai bạn đều cảm thấy vui vẻ và hạnh phúc khi được là chính mình. Và vẫn thỉnh thoảng gặp mặt nhau để chuyện trò về cuộc sống*  Câu 4: *Các bạn đã cảm thấy thế nào khi quay lại cuộc sống trước đây của mình?*  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4  - GV mời HS chia sẻ trước lớp  - GV nhận xét, chốt đáp án  - GV mở rộng: *Thằn lằn xanh và tắc kẻ đã thay đổi thái độ sau khi trải nghiệm một cuộc sống khác. Trước đó, các bạn đều cảm thấy cuộc sống của mình nhàm chán, buồn tẻ. Nhưng sau khi nhận ra đó mới là cuộc sống phù hợp với mình, mình không thể thay đổi cuộc sống khác, thì các bạn cảm thấy cuộc sống của mình thật vui vẻ, thú vị.*  *Câu 5. Tìm đọc đoạn văn trong bài có nội dung tương ứng với mỗi ý dưới đây:*  *a. Thằn lằn xanh và tắc kè vui vẻ trở lại cuộc sống của mình.*  *b. Thằn lằn xanh không thích nghi được với cuộc sống của tắc kè.*  *c. Tắc kè không chịu được khi sống cuộc sống của thằn lằn xanh.*  - GV yêu cầu HS xác định ý chính của câu hỏi  - GV nhắc HS nhớ lại kiến thức cũ: *Hình thức trình bày một đoạn văn:*  *+ Một số câu được viết liên tục không xuống dòng.*  *+ Câu đầu tiên được viết lùi đầu dòng.*  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi Tìm đọc đoạn văn trong bài có nội dung ứng với mỗi ý trong sách giáo khoa  - GV cho HS trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án:  *a. Thằn lằn xanh và tắc kè vui vẻ trở lại cuộc sống của mình.*  *→ “Thế là hai bạn quyết định đổi lại cuộc sống cho nhau.” đến “ về cuộc sống.”*  *b. Thằn lằn xanh không thích nghi được với cuộc sống của tắc kè:*  *→ “Thằn lằn xanh nhận ra tay và chân của mình không bám dính như tắc kè ” đến “ quá rồi!”*  *c. Tắc kè không chịu được khi sống cuộc sống của thằn lằn xanh:*  *→ “Trong khi đó, tắc kè cũng cảm thấy mình không thể chịu được sức nóng của ban ngày.” đến “quá rồi!”*  - GV mời HS nêu NDBH  ***Mỗi loài vật đều có đặc tính riêng với một môi trường sống phù hợp với những đặc tính đó. Cần trân trọng những đặc điểm của mình và biết lựa chọn hoàn cảnh sống phù hợp với những đặc điểm đó***  - Gv nhận xét tuyên dương | - HS lắng nghe, dò theo  - HS lưu ý  - HS tiến hành chia đoạn :  + Đoạn 1*: Từ đầu* đến *thằn lằn xanh.*  + Đoạn 2*: Tiếp đó* đến *đói quá rồi!*  + Đoạn 3*: Tiếp đó* đến *Mình đói quá rồi!*  + Đoạn 4*: Còn lại*  - HS đọc nối tiếp lần 1  - HS đọc và giải nghĩa từ khó  - HS đọc lại câu dài  - HS luyện đọc theo nhóm  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc cả bài  - HS lắng nghe  - HS lần lượt trả lời các câu hỏi:  - HS tìm hiểu và trao đổi theo nhóm đôi trả lời :  +Đó là những chi tiết: “Các bạn đã tự giới thiệu tên của mình(thằn lằn xanh và tắc kè) và tập tính của mình ( thằn lằn xanh đi kiếm ăn ban ngày, tắc kè đi kiếm ăn ban đêm)”  *-* HS đọc thầm lại bài và trả lời:  *+ Vì các bạn cảm thấy môi trường sống của mình quá quen thuộc và có vẻ nhàm chán (VD tắc kẻ nói “Tớ chán những bức tường lắm rồi.”), nên các bạn thấy thích thú với môi trường sống khác của mình.*  - HS thảo luận nhóm đôi  - HS trình bày trước lớp theo suy nghĩ của mình  - HS lắng nghe  - HS làm việc nhóm 4  - HS trả lời *Các bạn cảm thấy thích thú và vui vẻ với cuộc sống quen thuộc của mình.*  - HS lắng nghe  - HS nêu  - HS nêu lại  - HS thảo luận nhóm  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS trả lời  - HS lắng nghe và ghi chép |
| **3. Luyện tập - Thực hành: (7’)** | |
| - GV cho HS nhắc lại giọng đọc  - GV nhấn mạnh lại giọng đọc  - Gọi 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp 4 đoạn  - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. | - HS nhắc lại  - HS lưu ý  - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| 4. **Vận dụng, trải nghiệm: 2’** |  |
| - GV mở rộng thêm: Khi con người bắt các động vật hoang dã nhốt chúng vào trong một không gian nhỏ, hẹp thì môi trường sống đó có thực sự phù hợp với các con vật không?  (Câu hỏi này nhằm giáo dục HS biết tôn trọng cuộc sống của các loài vật, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ cuộc sống tự do của động vật hoang dã, lên án các hành vi gây tổn hại đến cuộc sống của động vật.)  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò chuẩn bị bài sau | - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY  (Nếu có)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

----------------------------------